TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 50/2024/HSST
Ngày: 15 - 03 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thanh Thảo;
2. Ông Nguyễn Hải Đăng.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: ông Lê Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 25/2024/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc G; sinh năm 1999, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: 497 KV P, phường T, quận C, TP .; Chổ ở hiện nay: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1970; vợ, con: chưa.

- *Nhân thân*: Ngày 06/5/2015 bị Công an thành phố C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy; Ngày 02/3/2020 bị TAND quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội: "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/04/2021.

- *Tiền án, tiền sự*: không.

Bị bắt tạm giữ: ngày 11/08/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (cơ sở T7) Công an T8 và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc S; sinh năm 1996, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: 497 KV P, phường T, quận C, TP .; Chổở hiện nay: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1970; vợ, con: chưa.

- *Tiền án, tiền sự*: không.

Bị bắt tạm giữ: ngày 11/08/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (cơ sở T7) Công an T8 và có mặt tại phiên tòa.

3. Trịnh Văn T; sinh năm 2001, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: 190 N, phường T, quận T, TP .; Chổ ở hiện nay: như trên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1977; vợ: Trương Vũ Hoàng K; con: chưa.

- *Tiền án: không*

- *Tiền sự*: ngày 26/09/ 2020 bị Công an quận T, TP . xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi "*Gây rối trật tự công cộng*" theo Quyết định số: 0010108/QĐ-XPHC. Trịnh Văn T chưa đóng tiền phạt.

Bị bắt tạm giữ: ngày 28/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (cơ sở T7) Công an T8 và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Phạm Quang T1, sinh năm 1988; trú tại: số A đường T, phường T, quận T, TP . (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Quang T2, sinh năm 1993; trú tại: số A đường T, phường T, quận T, TP . (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Ú1, sinh năm 1987; trú tại: KV T, phường T, quận Ô, TP . (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Ngọc Thúy L, sinh năm 1992; trú tại: A đường số H, phường B, quận B, TP . (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1975; trú tại: E ấp C, xã X, huyện H, TP . (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2023, anh Phạm Quang T2 cho Nguyễn Tú T3 mượn số tiền 1.200.000 đồng, anh T2 nhiều lần đòi tiền nhưng T3 không trả nên anh T2 và Nguyễn Ngọc S (bạn trai của T3) có mâu thuẫn với nhau. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 04/8/2023, anh T2 cùng anh Phạm Quang T1 (anh ruột T2) đến phòng 203 nhà trọ số A N, phường T, quận T và gặp T3 đòi nợ. Cùng lúc này, S gọi điện thoại cho T3 nhưng T3 không nghe máy và nhắn tin báo T2 đang ở phòng trọ của T3. Lúc này, S đang ở phòng số 05 lầu 1 nhà trọ số A đường số H, phường B, quận B, đọc được tin nhắn của T3 thì S lấy cây dũ ba khúc bằng kim loại có sẵn trong phòng cất vào trong người. Nguyễn Ngọc G (em ruột S) thấy vậy liền hỏi S "Có chuyện gì" nhưng S không trả lời, G nghĩ S có chuyện

nên lấy 01 khẩu súng rulo màu đen cùng 2 viên đạn cao su được giấu trong tủ quần áo, cất vào túi đeo chéo trước ngực, S điều khiển xe máy hiệu Wave, biển số 59Y1-609.76, G điều khiển xe máy hiệu Vario, biển số 65E1-453.07 cùng đi đến phòng trọ của T3.

Đến khoảng 11 giờ 57 phút cùng ngày, cả hai đến nơi, S mở cốp xe lấy cây dũ ba khúc bỏ vào túi quần bên phải, còn G lấy khẩu súng bỏ vào túi áo khoác bên phải, cả hai đi lên phòng trọ của T3. Khi thấy anh T1 đứng trước cửa phòng, anh T2 đứng trong phòng, S liền hỏi anh T2 "không có tao, tụi mày vào phòng làm gì" rồi cầm cây dũ ba khúc, lao đến đánh anh T2 và anh T1, còn G rút khẩu súng ra dí sát vào mặt, đầu anh T2 và anh T1 để hù dọa, đồng thời chửi và dùng tay cầm súng đánh anh T2 và anh T1, làm hai người này hoảng sợ đi vào thang máy xuống tầng trệt. S và G cũng đi thang bộ xuống, S thấy anh T2 đứng cùng với một nhóm thanh niên ở bên đường đối diện nên tiếp tục cầm cây dũ ba khúc đuổi đánh anh T2, còn G lấy súng ra chĩa về hướng nhóm anh T2 để hù dọa. Anh T2 chạy lại rút chìa khóa xe máy biển số 59Y1-609.76 của S, nên S tiếp tục dùng cây ba khúc đánh anh T2. Lúc này, G điều khiển xe máy biển số 65E1-453.07 chạy đến nhà số A N, phường T, quận T, rủ thêm Trịnh Văn T đi hỗ trợ đánh nhau. T hỏi có cần mang theo hung khí không thì G nói đã có súng rồi nên T điều khiển xe máy chở G quay lại số 101 Nguyễn Súy . Khi đến trước ngã ba I N, T dừng xe còn G chạy lại chỗ của S rồi cầm súng bằng tay phải chĩa về hướng nhóm anh T2 nên nhóm này bỏ chạy.

Sau đó, S gọi điện cho T3 kêu T3 xuống để S chở về nhà trọ. Do xe máy của S đã bị anh T2 rút chìa khóa nên T điều khiển xe chở G ngồi sau và dùng chân đẩy xe của S. Lúc này, G thấy búa đập của súng đã đẩy về phía sau nên dùng tay đẩy về phía trước thì súng bị cướp cò nổ một phát, làm ngón áp út bàn tay phải của G bị thương. Nhóm của G đi về phòng trọ của G và sơ cứu vết thương cho G, S cất cây dũ ba khúc trong hộc tủ trong phòng trọ, còn T và T3 đi về nhà.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, S và G điều khiển xe máy biển số 65E1-453.07 qua nhà Lê Hoài N tại căn hộ R chung cư R, số B Hòa Bình, phường H, quận T và kể lại sự việc cho Nguyễn Quốc T4, Trần Nhựt H1 và T5 (chưa rõ lai lịch), người yêu của T5 (không biết tên) nghe rồi G để lại súng trên bàn và nhờ giữ dùm nhưng không biết ai đã cất giữ. Sau đó, S và G tiếp tục bỏ trốn

đến nhà của H2 (chưa rõ lai lịch) tại tỉnh Vĩnh Long.

Đến khoảng 11 giờ ngày 05/8/2023, Công an phường T, quận C, Thành phố Cần Thơ gọi điện cho S và G yêu cầu về trụ sở trình diện. Do sợ bị bắt nên S và G quyết định trốn sang Campuchia, S điều khiển xe máy biển số 65E1-453.07 chở G quay lại nhà trọ tại A đường số H, phường B, quận B trốn.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 06/8/2023, S và G đi xe ô tô G1 đến bến xe H, tỉnh Tây Ninh, G gọi điện thoại cho Phạm Anh T6 nói lên nhà T6 chơi nên T6 thuê anh Nguyễn Huỳnh L1 lái xe ra đón S và G chở về nhà T6 tại ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Đến sáng ngày 07/8/2023, G tiếp tục thuê anh L1 chở ra cửa khẩu quốc tế M1, tỉnh Tây Ninh để trốn sang Campuchia do Giàu có hộ chiếu và dặn S về đầu thú nhưng lo sợ bị bắt nên S không về. Khi đến cửa khẩu quốc tế M1, G bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T mời về trụ sở làm việc và qua truy xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T phát hiện S đang ở nhà của T6 nên đưa S về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại Công văn số 2579/UBND ngày 09/10/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T trả lời: Hành vi đánh nhau xảy ra tại khu vực đường N, quận T (gần chợ T9) là nơi thường xuyên tập trung đông người, thời gian xảy ra vụ việc là vào buổi sáng, có hành vi sử dụng vũ khi nguy hiểm. Qua làm việc các hộ dân xung quanh cho biết thời điểm xảy ra vụ việc có tiếng động lớn (tiếng súng nổ), hành vi sử dụng súng ngoài đường của các đối tượng gây nguy hiểm trực tiếp cho người dân xung quanh tạo ra tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy UBND phường T xác định vụ việc trên gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường T, quận T. (BL 39)

Bản kết luận giám định số 5317/KL-KTHS ngày 16/8/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C1, kết luận: (BL 36)

1. Khẩu súng rulo bằng kim loại màu đen gửi giám định là súng chế tạo thủ công để bắn với loại đạn cỡ (9x22)mm, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng. Không có cơ sở xác định nước sản xuất loại súng này.

2. Khẩu súng ổ xoay bằng kim loại màu vàng đồng gửi giám định là súng pháo, thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng. Không có cơ sở xác định nước sản xuất loại súng đồ chơi này.

3. Cây gậy 3 khúc gửi giám định là công cụ hỗ trợ.

* *Vật chứng thu giữ*:

- 01 túi đeo chéo màu đen. G sử dụng để đựng khẩu súng.

- 01 khẩu súng dạng Rulo bằng kim loại màu vàng đồng, trên thân súng có chữ "MADE IN CHINA". Đây là khẩu súng của S bị thu giữ tại nhà Phạm Anh T6.

- 01 áo khoác dài tay, màu vàng, đã qua sử dụng, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 áo sơ mi dài tay caro đỏ đen, đã qua sử dụng, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 áo thun ngắn tay, đã qua sử dụng; 01 quần thun ngắn có chữ VAZCO, đã qua sử dụng. Đây là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 khẩu súng bằng kim loại dạng Rulo dài 13cm, cao 11cm, G sử dụng để đe dọa anh Phạm Quang T2 và anh Phạm Quang T1.

- 01 cây dũ ba khúc đã qua sử dụng, S dùng đánh anh Phạm Quang T2 và anh Phạm Quang T1.

- 01 xe máy hiệu Vario 150, biển số 65E1-453.07, đã qua sử dụng, G sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả giám định số 5458/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố T8, kết luận: Xe máy biển số 65E1-453.07 có số khung, số máy không bị đục lại số. (BL 38)

Phiếu trả lời xác minh xe ngày 10/01/2024 của Công an quận T, kết quả xe máy biển số 65E1-453.07 có chủ xe tên Nguyễn Văn Ú1, địa chỉ khu vực T, phường T, quận Ô, Thành phố Cần Thơ (BL 59a). Qua làm việc, anh Ú1 trình bày bản thân có đứng tên chủ xe dùm người em vợ là Lê Văn M và xe đã được M bán cho người khác (BL 62). Qua tra cứu vào ngày 28/8/2023 tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T8, xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng (BL 90). Qua làm việc, G khai mượn xe của chị là Nguyễn Ngọc Thúy L (BL 311a). Qua làm việc, L trình bày xe máy trên L mua

của một người đàn ông không rõ lai lịch, ngày 04/8/2023 G mượn xe của L để đi chơi, L không biết việc G sử dụng xe trên để đi đánh nhau (BL 166a).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với xe máy trên (BL 62C).

- 01 xe máy hiệu Wave, biển số: 59Y1-609.76 đã qua sử dụng, S sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả giám định số 5459/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố T8, kết luận: Xe máy biển số 59Y1-609.76 có số khung, số máy không bị đục lại số (BL 37).

Phiếu trả lời xác minh xe ngày 04/8/2023 của Công an quận T, kết quả xe máy biển số 59Y1-609.76 có chủ xe tên Nguyễn Hoàng V1, địa chỉ E ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 93). Qua làm việc, ông V1 trình bày xe máy trên do ông V1 đứng tên chủ sở hữu và đã bán lại cho ông Hoàng Kim D vào năm 2015 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông V1 không nhớ lai lịch của ông D (BL 93). Qua tra cứu vào ngày 28/8/2023 tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T8, xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng (BL 91). Qua làm việc, S khai mua xe của người tên L1 không rõ lai lịch ở ngoài xã hội (BL 365).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã đăng báo tìm chủ sở hữu đối với xe máy trên (BL 62A).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imei 35002269836393; điện thoại của Nguyễn Ngọc G sử dụng để liên lạc cá nhân.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei 356543102384848; điện thoại của Nguyễn Ngọc S sử dụng để liên lạc cá nhân.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 199/PNK ngày 20/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T. (BL 63, 64)

Về phần dân sự: Anh Phạm Quang T1, Phạm Quang T2 làm đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với S và G về hành vi cố ý gây thương tích, không yêu cầu bồi thường do vết thương nhẹ. (BL 105, 149)

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSQ.TP ngày 29 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội: "*Đe dọa giết*

người" theo điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP . giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm a khoản 2 Điều 133; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Gây rối trật tự công cộng".* Xử phạt Nguyễn Ngọc G từ 03 năm đến 04 năm tù về tội: "*Đe dọa giết người*".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Gây rối trật tự công cộng".* Xử phạt Nguyễn Ngọc S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Đe dọa giết người*".

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Gây rối trật tự công cộng".*

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề cập xử lý phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, C thu thập được, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có căn cứ để xác định: Khoảng 11 giờ 57 phút ngày 04/8/2023, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc G, có hành vi sử dụng cây gậy ba khúc, sử dụng súng dạng Rulo uy hiếp, đe dọa tính mạng đối với anh Phạm Quang T2, anh Phạm Quang T1 tại khu vực trước phòng 203 của nhà trọ số A N, phường T, quận T. Ngoài ra Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc G, Trịnh Văn T có hành vi gây rối mất trật tự tại khu vực đông người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường T, quận T thì bị bắt giữ.

Cáo trạng số 45/CT-VKSQ.TP ngày 29 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội: "*Đe dọa giết người*" theo điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, Sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của người dân trên địa bàn phường T, quận T, TP .. Xâm phạm đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, vì khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự bàn bạc và câu kết chặt chẻ. Để có cơ sở lượng hình, Hội đồng xét xử phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

[4.1] *Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G*: bị cáo là người có nhân thân xấu. Khi thấy anh ruột của mình là Nguyễn Ngọc S cầm cây dũ ba khúc đi đánh nhau. Lẽ ra, bị cáo phải can ngăn nhưng bị cáo lại mang theo 01 khẩu súng Rulo cùng 02 viên đạn đi theo S. Khi đến nơi, chính bị cáo là người rút súng ra dí vào đầu, mặt của anh Phạm Quang T2 và anh Phạm Quang T1 để đe dọa đến tính mạng của anh T2 và anh T1 và cùng với S tham gia đuổi đánh nhóm anh T2 tại trước số nhà A N, phường T, quận T gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân tại khu vực. Vai trò tham gia của bị cáo tích cực nhất trong vụ án, nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác.

[4.2] *Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S*: vai trò của bị cáo tham gia trong vụ án cũng rất tích cực, khi biết được anh T2 và anh T1 đang đến phòng trọ của Nguyễn Tú T3 để đòi nợ, bị cáo mang theo hung khí là cây dũ ba khúc. Khi đến nơi ở của T3 thì bị cáo lao vào đánh anh T2 và anh T1 và cùng với G tham gia đuổi đánh nhóm anh T2 tại trước số nhà A N, phường T, quận T gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân tại khu vực.

[4.3] *Đối với bị cáo Trịnh Văn T*: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Khi được G rủ đi đánh nhau, bị cáo đã đồng ý ngay và chở G đến địa chỉ A N, phường T, quận T để G rút súng đe dọa nhóm của anh T2, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vai trò tham gia của bị cáo là giúp sức cho bị cáo G nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chung cùng với G về hành vi gây rối trật tự công cộng.

[5] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là phù hợp.

[7] - Đối với Nguyễn Tú T3 không nhắn tin rủ S đến đánh anh Phạm Quang T2, Phạm Quang T1 không chứng kiến và giúp sức S, G trong việc đe dọa, gây rối gây rối trật tự công cộng. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý T3 về hành vi Đe dọa giết người và Gây rối trật tự công cộng với vai trò đồng phạm là có cơ sở.

- Đối với Phạm Anh T6 không trực tiếp chứng kiến, tham gia sự việc về hành vi tàng trữ 01 khẩu súng, khi Công an xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh phát hiện kiểm tra hành chính phát hiện. Vụ việc trên Công an thị xã H đã tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Lê Hoài N, Nguyễn Quốc T4 không trực tiếp nghe S, G kể lại sự việc, không hứa hẹn và không cất giữ khẩu súng rulo của G nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

- Đối với Trần Nhựt H1 vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được về hành vi giúp G tẩu tán khẩu súng. Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra và đã ra quyết định truy tìm khi nào làm việc được sẽ xử sau.

- Đối với T6 và người yêu của T6 (bạn của N) do không biết rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Anh Phạm Quang T1, Phạm Quang T2 làm đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với S và G

về hành vi cố ý gây thương tích, không yêu cầu bồi thường do vết thương nhẹ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với 01 túi đeo chéo màu đen. G sử dụng để đựng khẩu súng. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 khẩu súng dạng Rulo bằng kim loại màu vàng đồng, trên thân súng có chữ "MADE IN CHINA". Đây là khẩu súng của S bị thu giữ tại nhà Phạm Anh T6. Cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

-Đối với 01 áo khoác dài tay, màu vàng, đã qua sử dụng, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo sơ mi dài tay caro đỏ đen, đã qua sử dụng, S mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo thun ngắn tay, đã qua sử dụng; 01 quần thun ngắn có chữ VAZCO, đã qua sử dụng. Đây là trang phục T1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 khẩu súng bằng kim loại dạng Rulo dài 13cm, cao 11cm, G sử dụng để đe dọa anh Phạm Quang T2 và anh Phạm Quang T1. Cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cây dũ ba khúc đã qua sử dụng, S dùng đánh anh Phạm Quang T2 và anh Phạm Quang T1. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe máy hiệu Vario 150, biển số 65E1-453.07, đã qua sử dụng, G sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả giám định số 5458/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố T8, kết luận: Xe máy biển số 65E1-453.07 có số khung, số máy không bị đục lại số. (BL 38)

Phiếu trả lời xác minh xe ngày 10/01/2024 của Công an quận T, kết quả xe máy biển số 65E1-453.07 có chủ xe tên Nguyễn Văn Ú1, địa chỉ khu vực T, phường T, quận Ô, Thành phố Cần Thơ (BL 59a). Qua làm việc, anh Ú1 trình bày bản thân có đứng tên chủ xe dùm người em vợ là Lê Văn M và xe đã được M bán cho người khác (BL 62). Qua tra cứu vào ngày 28/8/2023 tại Văn phòng

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T8, xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng (BL 90). Qua làm việc, G khai mượn xe của chị là Nguyễn Ngọc Thúy L (BL 311a). Qua làm việc, L trình bày xe máy trên L mua của một người đàn ông không rõ lai lịch, ngày 04/8/2023 G mượn xe của L để đi chơi, L không biết việc G sử dụng xe trên để đi đánh nhau (BL 166a). Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự quận T, TP . đăng tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe máy hiệu Wave, biển số: 59Y1-609.76 đã qua sử dụng, S sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả giám định số 5459/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố T8, kết luận: Xe máy biển số 59Y1-609.76 có số khung, số máy không bị đục lại số (BL 37).

Phiếu trả lời xác minh xe ngày 04/8/2023 của Công an quận T, kết quả xe máy biển số 59Y1-609.76 có chủ xe tên Nguyễn Hoàng V1, địa chỉ E ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (BL 93). Qua làm việc, ông V1 trình bày xe máy trên do ông V1 đứng tên chủ sở hữu và đã bán lại cho ông Hoàng Kim D vào năm 2015 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông V1 không nhớ lai lịch của ông D (BL 93). Qua tra cứu vào ngày 28/8/2023 tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T8, xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng (BL 91). Qua làm việc, S khai mua xe của người tên L1 không rõ lai lịch ở ngoài xã hội (BL 365). Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự quận T, TP . đăng tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imei 35002269836393; điện thoại của Nguyễn Ngọc G sử dụng để liên lạc cá nhân. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo G.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imei 356543102384848; điện thoại của Nguyễn Ngọc S sử dụng để liên lạc cá nhân. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo S.

[10] *Án phí*: buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S đều phạm tội: "*Gây rối trật tự công cộng*" và tội: "*Đe dọa giết người*". Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội: "*Gây rối trật tự công cộng*".

[2] Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17,38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc G 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*".

[3] Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 133; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17,38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc G 03 năm 06 tháng tù về tội: "*Đe dọa giết người*".

[4] Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17,38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 năm tù về tội: "*Gây rối trật tự công cộng*".

[5] Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 133; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17,38, 50, 58 Bộ luật hìnhsự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 năm tù về tội: "*Đe dọa giết người*".

[6] Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hìnhsự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: 07 (B) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 11/08/2023.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chấp hành chung cho cả 02 tội là: 06 (S1) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 11/08/2023.

[7] Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hìnhsự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7.1] Xử phạt: bị cáo Trịnh Văn T 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 28/11/2023.

[8] *Về xử lý vật chứng*: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 túi đeo chéo màu đen; 01 khẩu súng dạng Rulo bằng kim loại màu vàng đồng, trên thân súng có chữ "MADE IN CHINA"; 01 áo khoác dài tay, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay caro đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay, đã qua sử dụng; 01 quần thun ngắn có chữ VAZCO, đã qua sử dụng; 01 khẩu súng bằng kim loại dạng Rulo dài 13cm, cao 11cm; 01 cây dũ ba khúc đã qua sử dụng.

- Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự quận T, TP . đăng tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 xe máy hiệu Vario 150, biển số 65E1-453.07, đã qua sử dụng; 01 xe máy hiệu Wave, biển số: 59Y1-609.76 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc G: 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imei 35002269836393.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc S: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số I 356543102384848.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 199/PNK ngày 20/11/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[9] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[10] *Về quyền kháng cáo*: các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc S, Trịnh Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Phú**;**
- THADS quận Tân Phú;
- Công an Q.Tân Phú;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành